HDBank
Cam kết lợi ích cao nhất

BIỂU PHÍ THẺ TÍN DỤNG

STT	LOẠI PHÍ	THẺ TÍN DỤNG QUỐC TẾ	THẺ TÍN DỤNG NỘI ĐỊA
I	**NHÓM PHÍ PHÁT HÀNH VÀ PHÍ THƯỜNG NIÊN**		
1	Phí phát hành thường (đ/thẻ)		
	– Thẻ chuẩn	Miễn phí	Miễn phí
	– Thẻ vàng	Miễn phí	Miễn phí
	– Thẻ Platinum	Miễn phí	
2	Phí phát hành nhanh (đ/thẻ)	100.000	55.000
3	Phí phát hành lại thẻ do hết hạn (đ/thẻ)	Miễn phí	55.000
4	Phí phát hành lại thẻ do thất lạc/hư hại (đ/thẻ)		
	– Thẻ chuẩn	50.000	55.000
	– Thẻ vàng	100.000	55.000
	– Thẻ Platinum	150.000	
5	Phí phát hành lại thẻ nhanh do thất lạc/hư hại (đ/thẻ)	100.000	55.000
6	Phí thường niên (đ/thẻ/năm)		
	– Thẻ chuẩn	220.000	165.000
	– Thẻ vàng	440.000	330.000
	– Thẻ Platinum	990.000	
II	**NHÓM PHÍ GIAO DỊCH TẠI ATM HDBANK**		
1	Phí rút tiền mặt (đ/giao dịch)	2% (min: 55.000)	1% (min: 11.000)
	Phí rút tiền mặt – Thẻ Platinum (đ/giao dịch)	4% (min: 100.000)	
2	Phí truy vấn không in hóa đơn (đ/lần)	Miễn phí	Miễn phí
3	Phí truy vấn có in hóa đơn (đ/lần)	Miễn phí	Miễn phí
4	Phí đổi PIN (đ/lần)	Miễn phí	Miễn phí
III	**NHÓM PHÍ GIAO DỊCH TẠI ATM THUỘC LIÊN MINH NAPAS, VISA**		
1	Phí rút tiền mặt (đ/giao dịch)	4% (min: 66.000)	1% (min: 11.000)
	Phí rút tiền mặt – Thẻ Platinum (đ/giao dịch)	4% (min: 100.000)	
2	Phí truy vấn (đ/lần)	Không áp dụng dịch vụ	550

STT	LOẠI PHÍ	THẺ TÍN DỤNG QUỐC TẾ	THẺ TÍN DỤNG NỘI ĐỊA
3	Phí in sao kê (đ/lần)	Không áp dụng dịch vụ	550
IV	**NHÓM PHÍ GIAO DỊCH QUA POS/EDC CỦA HDBANK**		
1	Phí rút tiền mặt (đ/giao dịch)	2% (min: 55.000)	Không áp dụng dịch vụ
2	Phí truy vấn (đ/lần)	Miễn phí	Không áp dụng dịch vụ
3	Phí đổi PIN (đ/lần)	Miễn phí	Không áp dụng dịch vụ
V	**NHÓM PHÍ GIAO DỊCH QUA POS/EDC THUỘC LIÊN MINH NAPAS**		
1	Phí thanh toán hàng hóa – dịch vụ (đ/giao dịch)	Không áp dụng dịch vụ	Miễn phí
VI	**NHÓM PHÍ GIAO DỊCH QUA POS/EDC THUỘC HỆ THỐNG VISA**		
1	Phí thanh toán hàng hóa – dịch vụ (đ/giao dịch)	Miễn phí	Không áp dụng dịch vụ
VII	**NHÓM PHÍ DỊCH VỤ KHÁC**		
1	Phí chuyển đổi ngoại tệ (%/giá trị giao dịch)	2,5%	Không áp dụng dịch vụ
	Phí chuyển đổi ngoại tệ (%/giá trị giao dịch)	3%	
2	Phí thông báo thất lạc thẻ (đ/lần)	220.000	Miễn phí
3	Phí khóa/mở khóa thẻ (đ/lần)	Miễn phí	Miễn phí
4	Phí in sao kê chi tiết hàng tháng (đ/lần)	5.500	5.500
5	Phí cấp bản sao hóa đơn giao dịch (đ/hóa đơn)		
5.1	Tại Đơn vị chấp nhận thẻ của HDBank	22.000	11.000
5.2	Tại Đơn vị chấp nhận thẻ không thuộc HDBank	110.000	110.000
6	Phí xác nhận theo yêu cầu của Chủ thẻ (đ/lần)	55.000	Miễn phí
7	Phí cấp lại PIN (đ/lần)	22.000	11.000
8	Phí tất toán trước hạn/đóng tài khoản (đ/ lần)	Miễn phí	Miễn phí
9	Phí khiếu nại sai (đ/lần)	88.000	55.000
	Phí khiếu nại sai – thẻ Platinum (đ/lần)	100.000	
10	Phí thay đổi hạng thẻ (đ/lần)	Miễn phí	55.000
11	Phí đặt hàng dịch vụ qua thư, điện thoại,	Miễn phí	Không áp dụng dịch vụ

STT	LOẠI PHÍ	THẺ TÍN DỤNG QUỐC TẾ	THẺ TÍN DỤNG NỘI ĐỊA
	internet		
12	Phí chậm thanh toán dư nợ tín dụng	4% (min: 100.000)	4% (min:100.000)
13	Phí sử dụng vượt hạn mức (%/số tiền vượt)	10% (min: 55.000)	10% (min: 55.000)
14	Phí thay đổi hạng mức tín dụng (đ/lần)	Phí thay đổi hạng mức	33.000
	Phí thay đổi hạng mức tín dụng – Thẻ Platium (đ/lần)	Miễn phí	
15	Phí cấp lại sao kê (đ/kỳ)	33.000	33.000
16	Phí tăng hạn mức tạm thời theo yêu cầu của Chủ thẻ (đ/lần)	55.000	55.000
17	Phí chuyển đổi hình thức đảm bảo tiền vay (đ/lần)	55.000	55.000
18	Phí nạp thêm tiền/thanh toán dư nợ thẻ	Miễn phí	Miễn phí
19	Phí nhận sao kê giấy (đ/thẻ/tháng)	22.000	22.000
20	Dịch vụ SMS thông báo biến động giao dịch	Miễn phí	Miễn phí